TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 15 - 8 - 2017.
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Bà Hoàng Thị Lợi.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 195/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Mai A, sinh năm 1991.
Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội.
Nơi ở: Thôn K, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1989.
Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ thị C, sinh năm 1957.
Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Mai A kết hôn với anh Phạm Văn B trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y,

huyện Z, thành phố Hà Nội ngày 15/4/2009. Sau khi cưới, anh chị chung sống cùng nhau tại thôn X, xã Y, huyện Z, Hà Nội ở chung cùng mẹ anh B. Quá trình chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên đơn, chị A xác định: Anh chị bắt đầu mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 3 năm 2017 và nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B chơi bời, không chịu làm ăn. Anh B còn dính vào tệ nạn xã hội, sử dụng ma túy nên phải đi cai tự nguyện từ ngày 20/7/2016 đến 20/10/2016 thì được về (có Giấy chứng nhận đã hoàn thành việc cai nghiện, chữa trị tự nguyện số 154/GCN – CBGDLĐXH-IV). Tuy anh B đã đi cai nghiện ma túy nhưng anh vẫn lén lút sử dụng, không chịu làm ăn, hay hỏi tiền chị mà nếu chị không đưa thì anh gây sự đánh, chửi chị. Chị A đã khuyên bảo nhưng anh B không chịu thay đổi khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Ngày 21/3/2017 giữa anh chị xảy ra cãi vã, anh B đánh chị và chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở cho đến nay. Bị đơn, anh B xác định: Anh chị bắt đầu mâu thuẫn từ khoảng một năm sau ngày cưới do bất đồng quan điểm trong lối sống, công việc và tính cách không hòa hợp và đến tháng 3 năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng và anh chị sống ly thân. Chị A xin ly hôn, anh B nhất trí.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là: Phạm Thanh E, sinh ngày 05/5/2010; Phạm Đức F, sinh ngày 23/10/2012. Các cháu đều khỏe mạnh, bình thường và đang ở cùng chị A. Ly hôn, chị A và anh B cùng có nguyện vọng để chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu F và anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu E, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị A xác định: Dù đã được Tòa án giải thích về quyền, nghĩa vụ của bố mẹ với con khi ly hôn và điều kiện của anh B tác động đến việc nuôi dưỡng chăm sóc con nhưng chị vẫn mong muốn khi ly hôn chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu F còn để anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu E vì thực tế từ khi sống ly thân anh chị vẫn thực hiện việc nuôi con như vậy và các cháu vẫn được chăm sóc tốt. Hơn nữa đó là cũng là nguyện vọng của cháu E, muốn được ở cùng anh B. Cháu Phạm Thanh E có đơn nguyện vọng trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố. Chị A hiện đi đánh giấy ráp thuê thu nhập bình quân một tháng khoảng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung, công sức: Chị A và anh B cùng xác định anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh chị cùng xác định có vay nợ của anh D ở xóm M, xã N, huyện Z, Hà Nội số tiền 10.000.000 đồng. Chị A xác định: Bà C – mẹ anh B đã trả cho anh D số tiền trên. Nay anh chị ly hôn, chị xác định mình có trách nhiệm trả cho

bà C 1/2 số tiền 10.000.000 đồng trên và chị đã thanh toán cho bà C xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B xác định: Số tiền 10.000.000 đồng anh chị vay của anh D đến nay chưa trả. Ly hôn, anh yêu cầu chị A có trách nhiệm trả 1/2 số nợ này. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà C xác định: Tháng 3 năm 2017 bà được biết anh B, chị A có vay nợ của xã hội đen số tiền là 10.000.000 đồng, đến thời hạn trả tiền mà anh B chị A không trả được họ đến đòi nên bà đã trả nợ thay cho anh B chị A số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền bà đã trả nợ thay cho anh B chị A bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để gia đình tự giải quyết với nhau. Ngày 17/7/2017, chị A đã thanh toán cho bà C số tiền 5.000.000 đồng là 1/2 số tiền bà C đã trả nợ hộ anh chị và là phần mà chị A nhận chịu trách nhiệm trả lại cho bà C. Do vậy bà C xác định chị A đã thanh toán cho bà 5.000.000 đồng và không yêu cầu chị A trả bà nốt số tiền còn lại mà để bà và anh B con trai bà tự giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Phạm Huy D xác định: Anh có cho vợ chồng chị A, anh B vay số tiền 10.000.000 đồng (theo Giấy vay tiền mà anh B đã nộp cho Tòa án). Tuy nhiên số tiền nợ này của anh chị đã được bà C là mẹ anh B trả cho anh nên giữa anh với chị A, anh B không còn liên quan gì với nhau về khoản vay này nữa do vậy anh không có yêu cầu gì về khoản tiền đã cho anh B, chị A vay.

Tại phiên tòa hôm nay chị A vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày với Tòa án.

Anh B, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng. Nguyên đơn chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tuy nhiên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành, Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không thực hiện các giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng:

+ Điều 28 BLTTDS 2015.
+ Điều 56, 81, 82 Luật HNGĐ năm 2014.
+ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Mai A với anh Phạm Văn B.

Về con : Giao cháu Phạm Thanh E cho anh B và cháu Phạm Đức F cho chị A nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành hoặc có quyết định khác.

Về tài sản chung, công sức, nợ và nhà đất ở, đất nông nghiệp: Không giải quyết.

Về án phí : Vụ án áp dụng án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các C liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án nhưng anh đều từ chối đến Tòa án để tham gia tố tụng. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B, bà C nhưng anh B và bà C không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Lần vắng mặt này là lần thứ hai anh B, bà C không đến tham gia phiên tòa dù đã được tống đạt hợp lệ do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B, bà C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về người tham gia tố tụng: Anh B xác định anh và chị A có vay nợ của anh Phạm Huy D ở xóm M, xã N, huyện Z, Thành phố Hà Nội số tiền là 10.000.000 đồng và yêu cầu chị A phải chịu trách nhiệm trả 1/2 số nợ trên. Tuy nhiên anh B không cung cấp các thông tin khác có liên quan về nhân thân của anh D cho Tòa án và cũng không thực hiện các thủ tục yêu cầu theo quy định của pháp luật. Qua xác minh Tòa án đã gặp được anh D và anh D xác định: Việc anh cho anh B và chị A vay 10.000.000 đồng có viết giấy vay nợ như anh B đã nộp cho Tòa án là đúng. Tuy nhiên, mẹ anh B đã trả cho anh 10.000.000 đồng nên hiện nay anh không còn có liên quan gì đến anh B, chị A về số tiền này nữa vì đã được thanh toán xong. Do vậy anh Nguyễn Huy D không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Mai A và anh Phạm Văn B: Chị Ngô Thị Mai A và anh Phạm Văn B, tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Z, thành phố Hà Nội ngày 15/4/2009 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Chị Ngô Thị Mai A và anh Phạm Văn B chung sống với nhau tại thôn X, xã Y, huyện Z, thành phố Hà Nội, ở chung cùng gia đình anh B. Quá trình chung sống giữa anh chị nảy sinh mâu thuẫn. Qua lời khai của các đương sự, điều tra xác minh thể hiện: Vợ chồng anh B, chị A có nhiều mâu thuẫn mà chủ yếu xuất phát từ anh B mải chơi bời, không có công việc ổn định, sử dụng ma túy nên hay kiếm cớ gây sự với chị A. Ngoài mâu thuẫn giữ hai vợ chồng thì quan hệ giữa chị

A và mẹ anh B cũng không được hòa thuận do vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị A xin ly hôn, anh B nhất trí. Tuy nhiên, anh B không đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh chị theo quy định của pháp luật do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho anh chị được. Mặc dù không hòa giải được cho anh chị nhưng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Mai A với anh Phạm Văn B.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Phạm Thanh E, sinh ngày 05/5/2010; Phạm Đức F, sinh ngày 23/10/2012. Ly hôn, anh chị đều có ý kiến thống nhất chị A trực tiếp nuôi cháu Phạm Đức F và anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh E, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Mặc dù qua xác minh thể hiện anh B có sử dụng ma túy và công việc không ổn định nhưng chị A khẳng định: Từ khi anh chị sống ly thân tháng 3 năm 2017 cho đến nay anh chị vẫn thực hiện mỗi người nuôi một con như đã thống nhất ở trên và các cháu vẫn được chăm sóc tốt nên chị mong muốn Tòa án giải quyết về con khi ly hôn theo nguyện vọng của anh chị đã thống nhất. Hơn nữa cháu E cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng bố. Do vậy khi ly hôn giao chị A trực tiếp nuôi cháu Phạm Đức F và anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh E, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, công sức: Anh chị cùng có ý kiến xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Tòa án không giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về nợ: Chị A và anh B cùng thống nhất xác định anh chị có vay nợ của anh Phạm Huy D ở xóm M, xã N, huyện Z, Hà Nội số tiền là 10.000.000 đồng. Qua điều tra xác minh thể hiện: Bà Đỗ Thị C là mẹ đẻ của anh B đã trả cho anh D số tiền 10.000.000 đồng mà anh B, chị A vay của anh D nên không có căn cứ để xem xét đối với yêu cầu của anh B: Buộc chị A có trách nhiệm trả cho anh D 1/2 số tiền vay nợ của anh D là 5.000.000 đồng. Bà Đỗ Thị C đã trả cho anh D 10.000.000 đồng là số tiền là anh B và chị A vay nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề có liên quan đến việc bà trả nợ số tiền trên mà để bà và anh B, chị A tự giải quyết với nhau. Chị A cũng nhất trí với quan điểm của bà C. Ngày 11/7/2017, chị A đã thanh toán cho bà C số tiền 5.000.000 đồng là 1/2 số

tiền mà bà C đã trả nợ cho anh D hộ cho chị và anh B, bà C cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền 5.000.000 đồng từ chị A và không có yêu cầu gì khác.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Ngô Thị Mai A là nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 ; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Mai A xin ly hôn anh Phạm Văn B. Chị Ngô Thị Mai A được ly hôn anh Phạm Văn B.

Về con chung: Chị Ngô Thị Mai A và anh Phạm Văn B có 02 con chung là: Phạm Thanh E, sinh ngày 05/5/2010; Phạm Đức F, sinh ngày 23/10/2012. Ly hôn, giao cho chị A trực tiếp nuôi cháu Phạm Đức F và anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh E, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị A và anh B đều có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, nhà đất ở, đất nông nghiệp: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về nợ: Không chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn B buộc chị Ngô Thị Mai A có trách nhiệm thanh toán cho anh Phạm Huy D 1/2 số tiền anh chị đã vay nợ là 5.000.000 đồng. Xác nhận chị Ngô Thị Mai A đã thanh toán cho bà Đỗ Thị C số tiền 5.000.000 đồng là 1/2 của số tiền bà C đã trả cho khoản vay của chị A, anh B đối với anh D. Không giải quyết việc thanh toán số tiền còn lại giữa bà C với các đương sự.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng chị Ngô Thị Mai A phải chịu để sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2015/0000369 ngày 03/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z.

Án xử công khai sơ thẩm chị Ngô Thị Mai A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn B, bà Đỗ Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã Y, huyện Z, Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Thanh